

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TĐC23B
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Tin học(2)	Tiếng anh(4)	An toàn điện(2)	Mạch điện(2)	Vẽ điện(2)	Vật liệu điện(2)	Khí cụ điện(2)	Kỹ năng mềm(2)	Điểm TB	Xếp loại
01	2355202274663	Nguyễn Quốc	Bình	28/06/2008	7.6	5.8	6.6	6.5	7.2	7.3	6.8	5.5	6.6	Trung bình
02	2355202274664	Nguyễn Trí	Cường	06/02/2008	2.7	1.2	2.9	2.7	2.8	0.0	0.0	1.0	1.6	Yếu
03	2355202274665	Huỳnh Văn	Chiến	26/03/2008	7.3	7.5	6.2	6.8	7.2	7.8	5.7	7.2	7.0	Khá
04	2355202274666	Lê Văn	Dũng	01/01/1974	1.2	6.6	8.1	6.0	7.6	6.6	8.4	7.8	6.5	Trung bình
05	2355202274667	Lư Thế	Duy	26/03/2008	7.6	8.6	7.7	7.7	7.8	8.6	6.8	8.8	8.0	Giỏi
06	2355202274668	Khương Bảo	Đăng	19/03/2008	7.2	5.6	6.1	6.7	6.3	5.6	6.2	5.8	6.1	Trung bình
07	2355202274669	Cao Phúc	Điện	28/06/2008	7.6	7.2	6.1	6.5	7.3	6.4	6.1	6.4	6.8	Trung bình
08	2355202274670	Trần Tuấn	Giàu	01/06/2008	5.3	5.0	6.5	6.3	7.1	5.1	5.6	5.7	5.7	Trung bình
09	2355202274671	Nguyễn Phú	Hào	02/03/2008	5.0	5.3	6.2	3.5	6.8	3.7	8.1	5.0	5.4	Trung bình
10	2355202274672	Trần Gia	Hào	11/07/2008	6.7	7.0	6.7	6.6	6.7	4.3	5.6	5.8	6.3	Trung bình
11	2355202274673	Huỳnh Trung	Hậu	13/06/2008	7.2	7.3	7.8	6.8	6.6	7.1	6.7	7.3	7.1	Khá
12	2355202274674	Trương Thành	Hậu	23/01/2008	5.7	5.8	5.7	6.5	7.1	6.3	6.2	5.7	6.1	Trung bình
13	2355202274675	Võ Văn	Hậu	10/05/2008	6.5	7.8	7.2	7.2	7.7	8.0	6.2	8.0	7.4	Khá
14	2355202274676	Trần Ngọc	Kha	28/08/2008	7.4	7.0	7.6	7.5	7.0	6.6	5.4	7.0	6.9	Trung bình
15	2355202274677	Trần Quốc	Khánh	21/10/2008	7.1	7.6	6.4	6.9	6.5	6.7	6.2	7.6	7.0	Khá
16	2355202274678	Lý Bảo	Kiên	16/04/2007	2.8	2.0	2.6	2.6	2.8	0.0	0.0	2.1	1.9	Yếu
17	2355202274679	Hồ Anh	Kiệt	17/04/2008	0.0	6.1	7.2	6.5	7.4	5.5	6.3	0.0	5.0	Trung bình
18	2355202274680	Võ Quốc	Kiệt	13/02/2008	5.5	8.1	6.9	7.3	7.9	7.8	7.8	8.0	7.5	Khá
19	2355202274681	Nguyễn Thành	Nhân	04/09/2008	7.9	6.3	7.8	6.8	7.3	6.8	7.3	7.7	7.1	Khá
20	2355202274682	Lê Tấn	Phong	08/12/2008	7.0	6.1	6.9	6.8	7.2	6.6	7.3	8.0	6.9	Trung bình
21	2355202274683	Nguyễn Kỳ	Phong	03/02/2008	8.2	6.7	7.7	6.9	7.1	6.8	8.1	7.7	7.3	Khá
22	2355202274684	Trương Văn	Phú	29/10/2008	7.2	6.8	7.3	6.9	7.1	6.6	6.7	7.5	7.0	Khá
23	2355202274685	Huỳnh Bảo	Phúc	25/05/2008	6.4	6.1	7.6	6.5	7.2	6.8	7.2	6.7	6.7	Trung bình
24	2355202274686	Phan Trọng	Phúc	01/07/2008	2.0	0.5	2.8	2.7	2.7	0.0	0.0	0.9	1.3	Yếu
25	2355202274687	Trương Hoàng	Phúc	11/10/2008	7.1	5.4	7.6	7.6	7.2	6.6	5.7	7.6	6.7	Trung bình

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Tin học(2)	Tiếng anh(4)	An toàn điện(2)	Mạch điện(2)	Vẽ điện(2)	Vật liệu điện(2)	Khí cụ điện(2)	Kỹ năng mềm(2)	Điểm TB	Xếp loại
26	2355202274688	Trần Văn	Quý	27/01/2008	5.7	5.6	7.6	6.9	7.1	6.5	5.7	6.4	6.3	Trung bình
27	2355202274689	Trần Bảo	Sang	11/01/2008	6.4	5.4	5.9	6.8	6.6	5.5	5.3	5.9	5.9	Trung bình
28	2355202274690	Lâm Thái	Thành	28/02/2008	0.0	0.5	2.9	3.0	2.6	0.0	0.0	0.0	1.1	Yếu
29	2355202274691	Nguyễn	Thiện	29/11/2008	5.3	6.0	6.5	6.8	7.0	6.0	5.7	5.8	6.1	Trung bình
30	2355202274692	Nguyễn Phúc	Thịnh	29/04/2008	6.9	5.4	7.2	6.6	6.9	6.2	6.1	5.6	6.3	Trung bình
31	2355202274693	Nguyễn Trung	Tín	21/10/2008	6.0	5.6	5.9	6.5	7.1	6.2	6.2	5.6	6.1	Trung bình
32	2355202274694	Nguyễn Hoàng	Trân	29/03/2008	5.4	5.7	7.3	7.5	7.8	6.9	6.5	7.2	6.7	Trung bình
33	2355202274695	Huỳnh Văn Thanh	Tuấn	21/01/2008	5.2	5.7	7.6	7.1	7.1	6.8	6.1	7.0	6.5	Trung bình
34	2355202274696	Phan Hữu	Tường	02/02/2008	6.7	5.8	7.4	6.6	7.4	7.3	5.3	6.2	6.5	Trung bình
35	2355202274697	Trần Đức	Tường	19/05/2008	0.0	0.0	2.7	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.3	Yếu

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 02 tháng 02 năm 2024
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái